

## HỒNG DANH A DI ĐÀ

Thoạt tiên Hồng Danh **A Di Đà** được ghi nhận qua tên Phạn là **Amṛta** có nghĩa đen là **bất tử**, nghĩa bóng là **Cam Lộ** và Hồng Danh này đã được ghi nhận rất nhiều trong các Đà La Ni của Mật Giáo. Lại do hiển bày đặc tính **Trường Thọ** bằng cách dùng **nước Cam Lộ** (Amṛta), khi uống vào thì chẳng già chẳng chết, nên được tôn là **Cam Lộ Vương** (Amṛta-rāja), hoặc **Cam Lộ Vương Như Lai** (Amṛta-rāja-Tathāgata), **Cam Lộ Đại Minh Vương** (Amṛta-mahā-vidya-rāja) hay **Kim Cương Cam Lộ Thân** (Vajra-amṛta-kāya). Do các danh hiệu này mà Đức Phật A Di Đà được ghi nhận là một trong các Bản Tôn **Diên Mệnh Trường Thọ**.

Sau này Hồng Danh **A Di Đà** được ghi nhận qua tên Phạn là **Amita** nghĩa là: **Vô Lượng** và được xưng là **Vô Lượng Phật** (Amita-buddha: biểu thị cho nhân cách Giác Ngộ của Trí Tuệ và Từ Bi không có cùng tận). Từ ý nghĩa **Vô Lượng** này cho nên A Di Đà Phật được dịch ý là **Vô Lượng Thanh Tịnh Phật** (Amita-suddha-buddha: biểu thị cho sự Thanh Tịnh không có cùng tận dứt hẳn mọi bon như phiền não), **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha: biểu thị cho Trí Tuệ giải thoát), **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha: biểu thị cho Đại Định giải thoát).

Ý nghĩa của **Vô Lượng** (Amita) chính là không thể tính toán được, rộng lớn vô tận... ở trong Mật Giáo là Tôn Chủ ở Phương Tây trong ngũ phương Phật, ở Thai Tạng Giới thì có tên là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus), ở Kim Cương Giới thì được gọi là **Vô Lượng Quang** (Amitābha)... đại biểu cho Trí Phương Tiệm của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata), cũng tức là **Diệu Quán Sát Trí**. Tính của Trí ấy chẳng sinh chẳng diệt, bên trong thì chiếu soi thực tướng của các Pháp, bên ngoài thì chiếu soi căn cơ của chúng sinh, Đức ấy là Vô Lượng Vô Biên, lợi ích cho tất cả chúng sinh.

**Đại Nhật Kinh Sớ** nói rằng: “Chúng sinh giới thì không có cùng tận, phương tiệm Đại Bi của chư Phật cũng không có cùng tận, cho nên gọi là **Đại Vô Lượng Thọ**”.

Từ các ý nghĩa này, Tạng Truyền Phật Giáo đã đem một thân của Đức Phật A Di Đà phân biệt thành hai Tôn Phật **Vô Lượng Quang** và **Vô Lượng Thọ** (hoặc xưng là **Trường Thọ Phật**) để cúng phụng, đồng thời ghi nhận **A Di Đà Phật** (Amita-buddha) là **Pháp Thân** (Dharma-kāya), **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha) là **Báo Thân** (Sambhoga-kāya) và **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha) là **Ứng Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya).

Kinh **Vô Lượng Thọ** ghi nhận 12 Hồng Danh của Đức Phật A Di Đà là:

- 1\_ Vô Lượng Quang
- 2\_ Vô Biên Quang
- 3\_ Vô Ngại Quang
- 4\_ Vô Đối Quang
- 5\_ Diệm Vương Quang
- 6\_ Thanh Tịnh Quang
- 7\_ Hoan Hỷ Quang
- 8\_ Trí tuệ Quang
- 9\_ Bất Đoạn Quang
- 10\_ Nan Tư Quang
- 11\_ Vô Xúng Quang
- 12\_ Siêu Nhật Nguyệt Quang

Kinh **Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm** ghi nhận 13 Hồng Danh là:

- 1\_ Vô Lượng Quang
- 2\_ Vô Ngại Quang
- 3\_ Thường Chiếu Quang
- 4\_ Bất Không Quang
- 5\_ Lợi Ích Quang
- 6\_ Ái Lạc Quang
- 7\_ An Ổn Quang
- 8\_ Giải Thoát Quang
- 9\_ Vô Đẳng Quang
- 10\_ Bất Tư Nghị Quang
- 11\_ Quá Nhật Nguyệt Quang
- 12\_ Đoạt Nhất Thiết Thế Gian Quang
- 13\_ Vô Cấu Thanh Tịnh Quang

Kinh **Đại Bảo Tích 17\_18** ghi nhận 15 Hồng Danh là:

- 1\_ Vô Lượng Quang
- 2\_ Vô Biên Quang
- 3\_ Vô Trước Quang
- 4\_ Vô Ngại Quang
- 5\_ Chiếu Vương Quang
- 6\_ Đoan Nghiêm Quang
- 7\_ Ái Quang
- 8\_ Hỷ Quang
- 9\_ Khả Kiến Quang
- 10\_ Bất Tư Nghị Quang
- 11\_ Vô Đẳng Quang
- 12\_ Bất Khả Xứng Lượng Quang
- 13\_ Ánh Tệ Nhật Quang
- 14\_ Ánh Tệ Nguyệt Quang
- 15\_ Yểm Đoạt Nhật Nguyệt Quang

Kinh **Sukhāvati-vyūha** ghi nhận 19 Hồng Danh là:

- 1\_ Vô Lượng Quang (Amitābha)
- 2\_ Vô Lượng Quang Minh (Amita-prabha)
- 3\_ Vô Lượng Minh (Amita-prabhāsa)
- 4\_ Vô Đối Chiếu Quang (Asamāpta-prabha)
- 5\_ Vô Trước Quang (Asanghata-prabha)
- 6\_ Diễm Vương Quang (Prabhāsikhotsrṣṭa-prabha)
- 7\_ Thiên Châu Quang (Sadivya-maṇi-prabha)
- 8\_ Vô Ngại Quang Minh Nhiễm Quang (Apratihata-raśmi-rāga-prabha)
- 9\_ Mỹ Quang (Rājanīya-prabha)
- 10\_ Ái Quang (Premanīya-prabha)
- 11\_ Hỷ Quang (Pramodanīya-prabha)
- 12\_ Từ Quang (Samgamanīya-prabha)
- 13\_ An Ổn Quang (Upoṣanīya-prabha)
- 14\_ Bất Đoạn Quang (Nibandhanīya-prabha)
- 15\_ Cực Tinh Tiến Quang (Ativīya-prabha)
- 16\_ Vô Đẳng Quang (Atulya-prabha)

17\_ Siêu Nhân Vương Chính Kiến Vương Quang (Abhibhūya-narendra-maunayendra-prabha)

18\_ Khúc Áp Tĩnh Mãn Nguyệt Nhật Quang (Śraṃtasamcayendu-sūrya-jihmīkaraṇa-prabha)

19\_ Khúc Áp Siêu Hộ Thế-Nhân Đà La-Phạm Thiên-Tĩnh Cư-Đại Tự Tại-Nhất Thiết Quang (Abhibhūya-lokapāla-śakra-brahma-suddhāvāsa-maheśvara-sarvadeva-jihmīkaraṇa-prabha)

**Tạng Bản** ghi nhận 19 Hồng Danh là:

1\_ Vô Lượng Quang

2\_ Vô Lượng Chiếu

3\_ Vô Đối Quang

4\_ Vô Trước Quang

5\_ Vô Ngại Quang

6\_ Thường Phóng Quang

7\_ Thiên Châu Quang

8\_ Vô Ngại Quang Minh Vương Quang

9\_ Thành Ái Quang

10\_ Hoan Hỷ Quang

11\_ Tồi Thắng Hoan Hỷ Quang

12\_ Thỏa Mãn Quang

13\_ Khả Kiến Quang

14\_ Hòa Hiệp Quang

15\_ Bất Khả Tư Nghị Quang

16\_ Vô Đẳng Quang

17\_ Khúc Áp Nhân Vương Thiên Vương Quang

18\_ Khúc Áp Nhật Nguyệt Lịnh Âm Muội Quang

19\_ Khúc Áp Hộ Thế-Nhân Đà La-Phạm Thiên-Tĩnh Cư-Đại Tự Tại-Nhất Thiết Thiên-Lịnh Âm Muội Quang.

Ngoài ra Đức A Di Đà Phật còn có tên gọi là Kỳ Thọ Mệnh Vô Lượng, Quang Minh Vô Lượng, Năng Hộ Hữu Chúng Sinh Viên Mãn Vô Lượng Thọ Mệnh, Vô Lượng Quang Minh.

Phật Giáo Tây Tạng thường xưng tán Ngài qua Hồng Danh **A Di Đà Thiên** (Amita-deva: Vô Lượng Thiên) và trì niệm Tâm Chú là “OM AMITA-DEVA HRĪḤ”

A Di Đà Phật là Giáo Chủ của Thế Giới Cực Lạc (Sukhā-vatī) ở phương Tây, dùng Quán Thế Âm và Đại Thế Chí làm hai vị Đại Bồ Tát hầu cận. Trong đó Bồ Tát **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara) biểu thị cho **Từ Bi**, còn Bồ Tát **Đại Thế Chí** (Mahāsthāmaprāpta) biểu thị cho **Trí Tuệ**.

Trong Kinh nói: Thọ mệnh của Đức Phật ấy với nhân dân kéo dài vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp cho nên có tên là Di Đà.

Trong quốc thổ Cực Lạc, thọ mệnh của chúng sinh là vô lượng, Đức Phật Di Đà cũng có thọ mệnh vô lượng, bởi vì thế giới Cực Lạc là tâm Đại Bi của Phật A Di Đà là nơi thành tựu của sức Đại Nguyện, là Pháp Giới chẳng thể luận bàn.

Thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà là ánh sáng của vô lượng, thọ mạng của vô lượng, cho nên chúng sinh của thế giới Cực Lạc ấy có thọ mạng kéo dài liên tục chẳng dứt, có thể dùng sự bất đoạn đó mà tu hành. Tu hành ở thế giới Cực Lạc có thể đạt được tính nhất quán, cũng ở trong thế giới này nhất định đạt được thành tựu.

Từ Mật ý trên đề giảng “**Vô Lượng Thọ**” chẳng phải là toàn bộ thọ mệnh lâu dài của cảnh bên ngoài mà đó là phương diện **Lý** của thế giới Cực Lạc. Tất cả chúng sinh

cuối cùng sẽ thành Phật, viên mãn Phật Quả. Mà sau khi viên mãn Phật Quả, tức là an trú tại **Thường Tịch Quang** tức là vĩnh viễn an trú ở cảnh giới Vô Lượng Thọ của cõi Niết Bàn yên tĩnh.

Đức Phật A Di Đà và chúng sinh của Thế Giới **Ta Bà** (Sāha-loka-dhātu) này rất là có duyên nên có thể trợ giúp cho chúng ta thành tựu cảnh giới của Vô Lượng Thọ.

Trong Kinh Phật thường đề cập đến mỗi vị Phật Đà có thọ mệnh ngang bằng một ngàn kiếp nhằm giải thích mỗi loại đều có thời gian dài ngắn, Đó là cách nói để làm rõ ý trên. Nhưng đem Mật Ý trên để nói thì tuổi thọ của Đức Phật không thể đem thời gian dài ngắn mà nói là **Niết Bàn** (Nirvāṇa), tức là Thường Tịch Quang hay phóng tỏa ánh sáng, hay Xuất Ứng bởi vì có nhân có duyên cho nên cũng có thể nói là **Vô Gian Vô Lượng Thọ**.

Theo Tạng truyền Phật Giáo, trong **Thế Giới Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu): chư Phật, Bồ Tát luôn hiện bày trăm ngàn loại phương thức chẳng đồng, đem đến lợi ích cho chúng sinh, trong đó **Thọ Mệnh** và **Trí Tuệ** là hai điều rất trọng yếu. Đối với người đời, nếu không có mạnh khỏe sống lâu ắt không có Pháp thành tựu sự nghiệp ấy và người tu hành cũng không có Pháp tu hành viên mãn. Do **Vô Lượng Thọ Phật** (hay **Trường Thọ Phật**) có Đức đặc biệt là hay giúp cho chúng sinh tăng trưởng Trí Tuệ Phước Đức và Thọ Mệnh nên được tôn xưng là một trong ba Tôn trường thọ. Người tu theo Pháp này hay tránh được cái chết đột ngột không đúng thời, diệt tội sống lâu, thành tựu sự bất tử... cho nên **Vô Lượng Thọ Phật** (hay **Trường Thọ Phật**) được xem là **Tổng Tập** của chư Phật và được xem là Bản Tôn trọng yếu phi thường trong Phật Giáo, chẳng phân biệt **Hiện Mật**

Y theo Kinh **Quán Vô Lượng Thọ** nói: Khi còn ở Nhân Địa, Ngài là vị Tỳ Kheuru Pháp Tạng thời ở trước Đức Phật **Thế Tự Tại Vương** (Lokesvara-rāja) phát khởi Tâm Vô Thượng Đạo, dùng 48 Hoằng Nguyện thề nguyện xây dựng Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhā-vatī) rất trang nghiêm không thể sánh ở trong cõi Phật của mười phương, siêng năng tu tập Bồ Tát Đạo mà thành Phật.

A Di Đà Phật có **Bi Nguyện** rộng lớn, **Tâm Từ** sâu xa mà Pháp Môn **Niệm Phật** ấy lại đơn giản dễ hành nên trong Phật Giáo Đại Thừa, Đức Phật A Di Đà chiếm địa vị rất trọng yếu. Tại các quốc gia tín ngưỡng Đại Thừa có rất nhiều người tin theo. Trung Quốc cổ đại có nói Pháp: “*Nhà nhà A Di Đà, cửa cửa Quán Thế Âm*” chính là sự phổ biến lưu truyền tín ngưỡng A Di Đà.